

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 3 - 2020

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Đặng Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐ-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Ph, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Hải Th, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; hiện cư trú tại: K B, K TR A (cộng hòa liên bang Đức). Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Ph và anh Bùi Hải Th xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/9/2006. Sau khi kết hôn, 02 vợ chồng chung sống với nhau

hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó anh Th đi nước ngoài làm ăn và giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Th không còn quan tâm đến vợ con, chị muốn anh Th về Việt Nam để đoàn tụ gia đình nhưng anh Th không đồng ý. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị Ph trình bày chị và anh Th có 02 đứa con chung Bùi Anh Đ, sinh ngày 10/6/2007 và Bùi Tấn Ph, sinh ngày 07/7/2012. Ly hôn chị Ph có nguyện vọng được nuôi cả 02 đứa và yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi đứa 2.000.000 đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 19/11/2019 bị đơn anh Bùi Hải Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thống nhất như lời khai của chị Ph, anh và chị Ph đã tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn, đã đăng ký vào ngày 07-9-2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng cách đây 4 năm anh đi nước ngoài làm ăn, thời gian đầu vợ chồng vẫn bình thường nhưng sau đó tình cảm ngày càng rạn nứt không hòa hợp được. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không có khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn;

Về con chung: vợ chồng có 2 đứa con chung Bùi Anh Đ, sinh ngày 10/6/2007 và Bùi Tấn Ph, sinh ngày 07/7/2012, do điều kiện ở xa nên anh đồng ý để chị Ph nuôi cả 2 đứa, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 4.000.000 đồng/tháng;

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa chị Ph kiên quyết xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ph được ly hôn anh Th

Về con chung: giao 02 đứa con chung Bùi Anh Đ, sinh ngày 10/6/2007 và Bùi Tấn Ph, sinh ngày 07/7/2012, cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các lời khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án; Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Bùi Hải Th sinh sống và làm việc tại nước Cộng hòa liên bang Đức, vì vậy xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phương thức tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài: Theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Th thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Đức là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Bùi Hải Th:

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho các đương sự theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, các đương sự đã nhận được thông báo của Toà án, trong thông báo có ấn định rõ giờ, ngày tháng năm mở phiên họp hoà giải và phiên tòa. Tuy nhiên, chị Ph có mặt. Anh Th gửi bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức, vì vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Hải Th.

[2]. Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu Ph:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thu Ph và anh Bùi Hải Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Th đi làm ăn ở nước ngoài, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn

cải vã, không có khả năng hàn gắn lại được, chị Ph và anh Th thống nhất tình cảm vợ chồng không còn, đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân của chị Ph và anh Th không đạt được, việc cả hai đề nghị xin được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ph là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Xét việc xin được nuôi con của chị Ph và hiện tại anh Th ở nước ngoài không có điều kiện để nuôi con, vì vậy cần giao cả 02 đứa con chung Bùi Anh Đ, sinh ngày 10/6/2007 và Bùi Tấn Ph, sinh ngày 07/7/2012, cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi đứa 2.000.000 đồng) kể từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, 147, 153, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Tuyên xử:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Thu Ph (sinh năm 1981) được ly hôn anh Bùi Hải Th (sinh năm 1980).

2. Về quan hệ con chung: Giao cả 02 đứa con chung Bùi Anh Đ, sinh ngày 10/6/2007 và Bùi Tấn Ph, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi đứa 2.000.000 đồng) kể từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Ph phải chịu nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số

AA/2017/0005192 ngày 28/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; anh Bùi Hải Th phải chịu nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thu Ph có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Bùi Hải Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Tòa DS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn